

B, ngày 23 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào điều 32, 33, 34 và 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của.

- Người khởi kiện: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1983.
- Đại diện theo ủy quyền cho ông T là: Ông Nguyễn Hữu Phúc, sinh năm 1992.
- Người bị kiện: Ông Điều T1, sinh năm 1985.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 của ông Phạm Xuân T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ/một phần tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện theo ủy quyền cho ông T là: Ông Nguyễn Hữu Phúc, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 473C1, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện: Ông Điều T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Thiện Cư, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 10 năm 2023 Có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 10 năm 2023, cụ thể như sau:

Ông Điều T1 có trách nhiệm trả cho ông Phạm Xuân T số tiền gốc mà ông T1 đã vay của ông T là: 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian, số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKS nhân dân huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Lượng